VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 09/2017/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc[1].

---

[1] Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc".

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện) đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết tắt là kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị

1. Bảo đảm thực hiện khách quan, đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Thông tư này.

2. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 4. Nội dung kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị[2]

Nội dung kiểm tra tính pháp lý bao gồm việc xem xét, đánh giá và kết luận về sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 81/2013/NĐ-CP), cụ thể như sau:

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

1. Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm đầy đủ về số lượng, thành phần, sự phù hợp về thể thức theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 99; khoản 1 và 2 Điều 101; khoản 1 và 2 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 11 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc (sau đây viết tắt là Nghị định số 02/2014/NĐ-CP); Điều 9 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết tắt là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP)) và quy định của Thông tư này.

2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối tượng bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 92, 94 và 96 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 13, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 97/2017/NĐ-CP)) và Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP).

4. Thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 99, 101 và 103 Luật xử lý vi phạm hành chính.

5. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 99, 101 và 103 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết tắt là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP); Nghị định số 02/2014/NĐ-CP; Nghị định số 136/2016/NĐ-CP và quy định của Thông tư này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị

1.[3] Hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99, khoản 3 Điều 101 và khoản 3 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính, cơ quan đã lập hồ sơ gửi công văn đề nghị Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện kiểm tra tính pháp lý kèm theo bản gốc hồ sơ đề nghị, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định được chuyển tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm không có nơi cư trú ổn định được chuyển tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở;

Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập thành biên bản.

2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương II của Thông tư này.

3. Kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị phải được thể hiện bằng văn bản theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này, có chữ ký của người có thẩm quyền kiểm tra và được đóng dấu của Phòng Tư pháp. Sau khi hoàn thành việc kiểm tra, văn bản kiểm tra tính pháp lý được gửi kèm hồ sơ đề nghị.

4. Trường hợp hồ sơ đề nghị bảo đảm tính pháp lý theo quy định tại Điều 4 Thông tư này thì Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện chuyển toàn bộ hồ sơ cho Trưởng Công an cấp huyện đối với biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đối với biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để xem xét, quyết định việc đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Hồ sơ gồm có:

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

a) Các tài liệu giấy tờ quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này;

b) Văn bản kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập thành biên bản.

5.[4] Trường hợp hồ sơ đề nghị chưa bảo đảm tính pháp lý theo quy định tại Điều 4 Thông tư này thì Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện phải ghi rõ trong văn bản kiểm tra tính pháp lý những nội dung chưa bảo đảm tính pháp lý, các tài liệu cần sửa đổi, bổ sung vào hồ sơ, sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ kèm theo văn bản kiểm tra tính pháp lý cho Trưởng Công an cấp huyện đối với biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đối với biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để xem xét, quyết định việc đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập thành biên bản.

Chương II
KIỂM TRA TÍNH PHÁP LÝ CỦA HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

Mục 1
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 6. Kiểm tra các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

1. Việc kiểm tra sự phù hợp và đầy đủ của các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải căn cứ vào quy định tại khoản 1 và 2 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với trường hợp người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định gồm có:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo mẫu số 02/TGD ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BCA ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng;

b) Tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm gồm một trong các tài liệu, giấy tờ sau: Biên bản vi phạm hành chính; 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng và biên bản vi phạm hành chính (lần thứ 03 trong 06 tháng) về một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng; biên bản vụ việc, bản kết luận điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản khám xét, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra (theo mẫu của Bộ Công an ban hành, nếu có); các tài liệu, giấy tờ khác theo quy định (nếu có);

c)[5] Tài liệu về biện pháp giáo dục đã áp dụng gồm: Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu giấy chứng nhận số 01 (mẫu biểu MGCN01) ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Nghị định số 56/2016/NĐ-CP);

d)[6] Bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hoặc người đại diện hợp pháp của họ (theo mẫu do Bộ Công an ban hành, nếu có). Trường hợp không có mẫu, bản tường trình phải bảo đảm những nội dung chủ yếu sau đây: Họ và tên người vi phạm, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú,

---

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

nơi học tập hoặc nơi làm việc của người vi phạm (nếu có); tường trình về hành vi vi phạm (nêu rõ bản thân và những người liên quan đã thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nào, thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện, cách thức thực hiện hành vi đó, lý do dẫn đến các hành vi vi phạm, hậu quả xảy ra và những việc đã làm để khắc phục hậu quả, vi phạm đã bị xử lý như thế nào);

đ)[7] Văn bản thể hiện ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

e)[8] Văn bản thể hiện ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đang học tập hoặc làm việc (nếu có);

g)[9] Các tài liệu khác có liên quan (nếu có) như: Giấy Chứng minh nhân dân; Hộ chiếu; thẻ Căn cước công dân; Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với trường hợp người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định gồm có:

a) Các tài liệu, giấy tờ theo quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Bản trích lục tiền án, tiền sự do cơ quan Công an cấp;

c) Tài liệu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư này (nếu có).

---

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

4. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với trường hợp người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính gồm các tài liệu, giấy tờ theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

5. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với trường hợp người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính gồm các tài liệu, giấy tờ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

Điều 7. **Kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**

Việc kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

1. Đối với đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm.

2. Đối với đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm.

3. Đối với đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng.

Điều 8. Kiểm tra đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải bảo đảm phù hợp về độ tuổi, hành vi vi phạm và các điều kiện theo quy định tại khoản 2

Điều 5, Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, bao gồm:

a) Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý quy định tại Bộ luật Hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự mà trước đó đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

d) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại khoản 4 Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Các trường hợp không phải là đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 5 Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính, bao gồm: người nước ngoài; người không có năng lực trách nhiệm hành chính; người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Điều 9. Kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Việc kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải căn cứ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với trường hợp người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối với trường hợp người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4.[10] Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 10. Kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

1. Việc kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải căn cứ theo quy định tại Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 13 và 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Thông tư số 43/2014/TT-BCA ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10/01/2014 quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc (sau đây viết tắt là Thông tư số 43/2014/TT-BCA).

2. Kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo các nội dung sau:

a) Việc thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải bảo đảm phù hợp về thành phần hồ sơ đề nghị theo quy

---

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

định tại Điều 6 Thông tư này đối với từng trường hợp và thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 9 Thông tư này;

b)[11] Việc xác định nơi cư trú của người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP), cụ thể như sau:

Nơi cư trú ổn định là nơi đối tượng thường trú hoặc tạm trú, nhưng phải là nơi người đó hiện đang thường xuyên sinh sống hoặc phần lớn thời gian sinh sống;

Không có nơi cư trú ổn định là trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người vi phạm và người đó thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định hoặc trường hợp xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người vi phạm nhưng người đó thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định.

c) Việc xác định độ tuổi của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP;

d) Việc thông báo cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ do cơ quan hoặc người có thẩm quyền đã lập hồ sơ đề nghị thực hiện phải bảo đảm phù hợp về hình thức, nội dung và thời hạn thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

Mục 2
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ GIÁO DỤC BẮT BUỘC

Điều 11. Kiểm tra các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

1. Việc kiểm tra sự phù hợp và đầy đủ của các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải căn cứ vào quy định tại khoản 1 và 2 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 26 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định gồm có:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo mẫu số 02/CSGDBB ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BCA ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

b) Tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, gồm một trong các tài liệu, giấy tờ sau: Biên bản vi phạm hành chính; 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài, tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài, vi phạm trật tự, an toàn xã hội và biên bản vi phạm hành chính (lần thứ 03 trong 06 tháng) về một trong các hành vi nêu trên; biên bản vụ việc, bản kết luận điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản khám xét, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra (theo mẫu của Bộ Công an ban hành, nếu có); các tài liệu, giấy tờ khác theo quy định (nếu có);

c) Các tài liệu, giấy tờ theo quy định tại các điểm c, d và g khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật và xác định được nơi cư trú của người đó gồm các tài liệu, giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

4. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật và không xác định được nơi cư trú của người đó gồm có:

a)[12] Các tài liệu, giấy tờ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6; điểm b khoản 3 Điều 6; điểm a và b khoản 2 Điều này;

b) Tài liệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư này (nếu có).

---

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

5. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với trường hợp người vi phạm có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, gồm các tài liệu, giấy tờ quy định tại điểm c và d khoản 2 Điều 6; điểm a và b khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

6. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với trường hợp người vi phạm không có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, gồm các tài liệu, giấy tờ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 (nếu có); điểm d khoản 2 Điều 6; điểm a và b khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Điều 12. Kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

Việc kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như sau: Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 13. Kiểm tra đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải bảo đảm phù hợp về độ tuổi, hành vi vi phạm và các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải là người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính; đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường,

thị trấn đối với trường hợp người vi phạm có nơi cư trú ổn định hoặc chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với trường hợp người vi phạm không có nơi cư trú ổn định;

2. Các trường hợp không phải là đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính, bao gồm: người nước ngoài; người không có năng lực trách nhiệm hành chính; người chưa đủ 18 tuổi; nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi; người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Điều 14. Kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

Việc kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc căn cứ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp người vi phạm có nơi cư trú ổn định, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người vi phạm cư trú có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với trường hợp người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật và xác định được nơi cư trú của người đó, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người vi phạm cư trú có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối với trường hợp người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật và không xác định được nơi cư trú của người đó, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hành vi vi phạm pháp luật có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đối với trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa

vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5.[13] Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 101 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 15. Kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

1. Việc kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc căn cứ theo quy định tại Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 13 và 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

2. Kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo các nội dung sau:

a) Việc thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải bảo đảm phù hợp về thành phần hồ sơ đề nghị quy định tại Điều 11 Thông tư này đối với từng trường hợp và thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b)[14] Việc xác định nơi cư trú của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc không có nơi cư trú ổn định phải bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

c) Việc chuyển người vi phạm không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật trong trường hợp xác định được nơi cư trú về địa phương nơi người đó cư

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

[14] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

trú để xử lý phải được lập thành biên bản và bảo đảm phù hợp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục bàn giao quy định tại điểm b khoản 1 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

d) Việc xác định độ tuổi của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa cơ sở giáo dục bắt buộc phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP;

đ) Việc thông báo cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ do cơ quan hoặc người có thẩm quyền đã lập hồ sơ đề nghị thực hiện phải bảo đảm phù hợp về hình thức, nội dung và thời hạn thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

Mục 3
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 16. Kiểm tra các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc[15]

1. Việc kiểm tra sự phù hợp, tính hợp pháp và đầy đủ của các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc căn cứ vào quy định tại khoản 1 và 2 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 9 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP).

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định gồm có:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc của người đại diện hợp pháp của họ (theo mẫu do Bộ Công an hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, nếu có). Trường hợp không có mẫu, bản tường trình phải bảo đảm những nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

c) Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Mẫu biên bản số 01 (mẫu biểu MBB01) ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) hoặc phiếu xét nghiệm dương tính với chất ma túy (theo mẫu do Bộ Y tế ban hành, nếu có);

d) Tài liệu chứng minh về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy đã áp dụng gồm: Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu giấy chứng nhận số 01 (mẫu biểu MGCN01) ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP hoặc Quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Mẫu quyết định số 04 (mẫu biểu MQĐ04) ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP;

đ) Tài liệu, giấy tờ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và xác định được nơi cư trú của người đó gồm các tài liệu, giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và không xác định được nơi cư trú của người đó gồm có:

a) Tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định;

b) Các tài liệu, giấy tờ quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này;

c) Tài liệu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này (nếu có).

5. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm có nơi cư trú ổn định do

cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 của Luật xử lý vi phạm hành chính, gồm có các tài liệu, giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này".

6. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm không có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 của Luật xử lý vi phạm hành chính, gồm có các tài liệu, giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 17. Kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Việc kiểm tra thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 4 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau: Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép lần cuối, bị phát hiện và lập biên bản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

Điều 18. Kiểm tra đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc[16]

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm phù hợp về độ tuổi, hành vi vi phạm và các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP) và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP), bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

---

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

a) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

b) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

c) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy, nhưng không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);

d) Người đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng, người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

2. Các trường hợp không phải là đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính, bao gồm: người nước ngoài; người không có năng lực trách nhiệm hành chính; người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận bằng văn bản.

Điều 19. Kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Việc kiểm tra thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc căn cứ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định và trường hợp người nghiện ma túy không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật và xác định được nơi cư trú của người đó thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Đối với trường hợp người nghiện ma túy không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật và không xác định được nơi cư trú của người đó, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện ma túy thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4.[17] Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 20. Kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Việc kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc căn cứ theo quy định tại Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 13 và 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP; Điều 8 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP và quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

2. Kiểm tra trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo các nội dung sau:

a) Việc thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm phù hợp về thành phần hồ

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

sơ đề nghị đối với từng trường hợp quy định tại Điều 16 Thông tư này và về thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và 2 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Việc xác định nơi cư trú của người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật phải bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

c) Việc xác định độ tuổi của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP;

d) Việc chuyển người vi phạm không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật trong trường hợp xác định được nơi cư trú về địa phương nơi người đó cư trú để xử lý phải được lập thành biên bản và bảo đảm phù hợp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục bàn giao quy định tại điểm b khoản 1 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

đ) Việc thông báo cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ do cơ quan hoặc người có thẩm quyền đã lập hồ sơ đề nghị thực hiện phải bảo đảm phù hợp về hình thức, nội dung và thời hạn thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[18]

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016.

---

[18] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 09/2017/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung".

Điều 22. Các biểu mẫu sử dụng trong việc thực hiện kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau:

a) Mẫu số 01/TGD: Thông báo kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng;

b) Mẫu số 02/CSGDBB: Thông báo kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

c) Mẫu số 03/CSCNBB: Thông báo kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi sử dụng các biểu mẫu quy định kèm theo Thông tư này phải bảo đảm thống nhất, đầy đủ các nội dung theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đã có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TƯ PHÁP

Số: 427/VBHN-BTP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Khánh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng